

Bản án số: 275/2021/DS - PT

Ngày: 27/12/2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 731/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Như T, bà Trần Thị C

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Tấn T. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Bà Phan Thị P; trú tại: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.
Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Phan Như T, bà Trần Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phan Như T, bà Trần Thị C và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/8/2009, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 cho ông Phan Như T và Trần Thị C diện tích đất 12.932m², tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, loại đất rừng sản xuất tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian gia đình chưa sử dụng đất thì bà Phan Thị P đã lấn chiếm, sử dụng một phần diện tích đất của gia đình ông. Gia đình ông đã yêu cầu bà P trả lại đất nhưng bà P không thống nhất nên có làm đơn gửi đến UBND xã T để giải quyết nhưng không thành.

Do đó, gia đình ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P trả lại diện tích đất lấn chiếm trên qua đo đạc có tổng diện tích là 4.300,1m², trong đó có phần diện tích đất tranh chấp 189m², 2.052,6m² và 2.058,5m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 theo Trích đo thửa đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2019.

Tại phiên hòa giải, bà P đồng ý trả lại cho gia đình nguyên đơn phần diện tích đất 189m² nên ông Phan Như T và Trần Thị C chỉ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà P trả lại diện tích đất tranh chấp qua đo đạc có diện tích 2052,6m² và 2058,5m², tổng diện tích 4.111,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, loại đất rừng sản xuất tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị P trình bày:

Diện tích đất hiện nay ông Phan Như T và bà Trần Thị C khởi kiện có nguồn gốc do bà khai hoang và sử dụng từ năm 2005. Đến năm 2006 bà đã trồng keo và khai thác một lứa keo. Hiện tại trên phần đất 2.052,6m² có keo mới trồng lại, phần đất 2.058,5m² và 189m² có keo 3-4 năm tuổi thuộc quyền sở hữu của bà. Việc ông T và bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên phần đất bà đang sử dụng là không hợp pháp. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H cấp cho ông T và bà C theo giấy chứng nhận số AQ 110495 ngày 31/8/2009 đối với diện tích tranh chấp 4.300,1m² đồng thời công nhận cho bà quyền quản lý, sử dụng phần đất này.

Tại phiên hòa giải, bà không tranh chấp đối với phần diện tích đất 189m², chỉ yêu cầu Tòa án hủy phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H cấp cho ông T và bà C theo giấy chứng nhận số AQ 110495 ngày 31/8/2009 đối với diện tích 2.058,5m² và 2.052,6m².

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện H trình bày:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 189m², 2.052,6m², 2.058,5m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 được UBND huyện cấp cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C ngày 31/8/2009: Căn cứ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Như T ngày 04/4/2008, được UBND xã T xác nhận ngày 17/4/2009

kèm theo hồ sơ địa chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T và bà C thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc do hộ ông T quản lý sử dụng trước năm 2000. Tại Công văn số 09/UBND ngày 11/3/2020 của UBND xã T về xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đã xác nhận “Phần diện tích đất 2.052,6m²: Trước năm 2005, hộ ông Phan Như T canh tác, chăm sóc tranh lợn nhà, sau đó đến ông Nguyễn Văn T canh tác để cắt tranh lợn nhà. Đến năm 2006, hộ bà Phan Thị P canh tác để trồng keo cho đến nay, mùa keo hiện tại là mùa keo thứ 3 mà bà P canh tác. Phần diện tích 2.141 m² và 189 m²: Trước năm 2005, hộ ông Phan Như T chừa tranh để lấy tranh lợn nhà. Từ năm 2005 đến nay thì hộ bà Phan Thị P canh tác trồng keo đến nay là mùa thứ 3”.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị P và hộ Phan Như T và Trần Thị C như sau: Đối với giấy chứng nhận số AD 901788 ngày 25/12/2006 đã được cấp đổi lại tại giấy chứng nhận số AQ 147024 ngày 31/8/2009 và giấy chứng nhận số AQ 147023 ngày 31/8/2009 nên giấy chứng nhận số AD 901788 ngày 25/12/2006 không còn hiệu lực pháp luật, do vậy UBND huyện không xem xét.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị P tại giấy chứng nhận số AQ 147024 ngày 31/8/2009 và giấy, chứng nhận số AQ 147023 ngày 31/8/2009 là đảm bảo theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 ngày 31/8/2009 là đảm bảo đúng theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Ý kiến của UBND huyện H về những nội dung có liên quan;

- Về ý kiến của bà Phan Thị P cho rằng việc UBND huyện H thực hiện việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà tại giấy chứng nhận số AQ 147024 ngày 31/8/2009 và giấy chứng nhận số AQ 147023 ngày 31/8/2009, hộ gia đình bà không biết và việc cấp đổi GCN này làm cho diện tích đất của bà bị thiếu so với GCNQSD đất đã cấp năm 2006: Qua kiểm tra lại hồ sơ cấp đổi lại GCNQSD đất cho hộ bà P năm 2009 thì hộ bà P là người trực tiếp lập Đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất ký ngày 04/4/2008 và kê khai đầy đủ thông tin về quyền sử dụng đất, được Văn phòng đăng ký QSD đất lúc bấy giờ thẩm tra, xác nhận ngày 27/8/2009. Do vậy, UBND huyện xét thấy ý kiến của bà P nêu trên là không có cơ sở.

- Về sơ đồ, bản vẽ giữa hai diện tích đất đã cấp cho hộ bà P vào năm 2006 và được cấp đổi lại vào năm 2009 là không trùng khớp với nhau: Qua kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ cấp đổi lại GCNQSD đất cho hộ bà P năm 2009 thì lý do để cấp đổi lại GCNQSD đất là đo đạc lập lại hồ sơ địa chính (Đơn kê khai ngày 04/4/2008) và biên bản xác định ranh giới mốc giới các thửa đất cấp đổi lại GCN cho hộ bà P được bà P và các hộ sử dụng đất tiếp giáp ký tên đầy đủ và được UBND xã T xác nhận. Khi thực hiện việc cấp đổi lại GCN cho hộ bà P năm 2009 thì GCNQSD đất cấp năm 2006 không còn hiệu lực pháp luật, do vậy sơ đồ vị trí thửa đất theo

GCNQSD đất cấp cho hộ bà P năm 2006 không có giá trị pháp lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 10, các điều 32, 105 Luật đất đai năm 2003, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

“Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như T và bà Trần Thị C về việc buộc bị đơn bà Phan Thị P trả lại diện tích đất tranh chấp 189 m², tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, tại thôn A (nay thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như T và bà Trần Thị C về việc buộc bị đơn bà Phan Thị P trả lại diện tích đất tranh chấp là 4.1119l m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- Chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Phan Thị P, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C ngày 31/8/2009 đối với diện tích đất 4.111,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, tại thôn A (nay thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam và công nhận diện tích đất 4.111,1 m² (gồm phần diện tích 2.052,6m² và 2.058,5m²) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Phan Thị P. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 01/8/2019, nguyên đơn – ông Phan Như T và bà Trần Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam vì Bản án xử không khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông, Bà.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà P phải trả lại diện tích đất 4.111,1m² đã lấn chiếm cho Nguyên đơn; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn – ông Phan Như T và bà Trần Thị C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà P phải trả lại diện tích đất 4.111,1m² đã lấn chiếm cho Nguyên đơn thì thấy:

[1]. Về diện tích đất tranh chấp: Theo Trích đo thửa đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đo vẽ ngày 18/4/2019 (BL 30) đã được các đương sự thống nhất, thì diện tích đất tranh chấp theo sự xác định của các đương sự là 4.111,1m². Gồm 02 phần: Phần diện tích 2.052,6m² và phần diện tích 2.058,5m². Toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.111,1m² đều nằm trong thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.932 m² tại thôn A (nay thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà C vào ngày 31/8/2009.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà C buộc bà P phải trả lại diện tích đất tranh chấp 4.111,1 m² cho vợ chồng ông T, bà C, bị đơn bà P đã yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H đã cấp cho ông T, bà C ngày 31/8/2009 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.932 m² tại thôn A (nay thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam (đối với diện tích đất 4.111,1m²) và yêu cầu công nhận diện tích đất 4.111,1m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà P. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tại Công văn số 320/UBND-PTNMT ngày 07/7/2020 của UBND huyện H xác định: Phần diện tích đất 2.052,6m²: Trước năm 2005, hộ ông T canh tác chăm sóc tranh lợn nhà. Sau đó đến ông Nguyễn Văn T canh tác để cắt tranh lợn nhà. Đến năm 2006, hộ bà P canh tác để trồng keo cho đến nay, mùa keo hiện tại là mùa keo thứ 3 mà bà P canh tác. Phần diện tích 2.141m² (bao gồm 2.058,5m², 82,5m²) và 189m²: Trước năm 2005, hộ ông T chừa tranh để lấy tranh lợn nhà. Từ năm 2005 đến nay thì hộ bà P canh tác trồng keo đến nay là mùa thứ 3.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2019 (BL 22) và tại phiên tòa sơ thẩm ông T (con ruột của ông Phan Như T và bà Trần Thị C, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) khai: Đối với diện tích đất 2.052,6m² có nguồn gốc do bà P khai hoang; đối với diện tích đất 2.058,5m² có nguồn gốc là rẫy tranh của ông T, bà C, đến năm 1998 thì gia đình ông T cho ông Nguyễn Văn T chừa tranh, sau đó ông T cho bà P.

Tại các Biên bản xác minh lời khai của nhân chứng đều thể hiện: Các diện tích đất tranh chấp là do bà P canh tác, sử dụng từ năm 2005 đến nay, từ trước đến nay gia đình ông T, bà C không canh tác, sử dụng trên diện tích đất tranh chấp.

[2.2]. Như vậy, mặc dù các diện tích đất 2.052,6m², 2.058,5m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) đã cấp cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc thì các diện tích đất này do bà P khai hoang và nhận từ ông T, canh tác từ năm 2005- 2006 đến nay. Từ năm 2005 - 2006 đến nay gia đình ông T, bà C không canh tác, sử dụng trên diện tích đất tranh chấp và cũng không có tài sản trên đất tranh chấp. Năm 2009 thì hộ ông T, bà C cũng không biết việc được cấp Giấy CNQSD đất phần đất tranh chấp nêu

trên và không có tranh chấp gì với bà P từ năm 2006 đến năm 2019. Khi ông T khai thác Keo đã lấn sang phần Keo của bà P, bà P gửi đơn khiếu nại lên UBND xã T. Sau khi UBND xã tiến hành đo đạc thì hộ ông T mới biết diện tích đất tranh chấp nằm trong Giấy CNQSD đất của mình nên mới tiến hành khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan Tấn T cũng đã thừa nhận: Trong phần diện tích đất 12.932 m² mà UBND huyện H cấp cho hộ ông Phan Như T có một phần đất nằm chồng lấn trong Giấy CNQSD đất của bà P được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2006 (Tại phiên tòa sơ thẩm bà P có cung cấp bản chính Giấy CNQSD đất năm 2006).

Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất tranh chấp 4.111,1 m² đã được UBND huyện H cấp cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C theo Giấy CNQSD đất số AQ110495 ngày 31/8/2009 đã vi phạm về đối tượng quản lý, sử dụng đất, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P là người đang sử dụng đất. Ngoài ra, tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt đều thừa nhận: Toàn bộ tài sản là cây keo hiện có trên diện tích đất tranh chấp 4.111,1m² thuộc quyền sở hữu của bà P.

[3]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như T và bà Trần Thị C về việc buộc bị đơn bà Phan Thị P trả lại diện tích đất tranh chấp là 4.111,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ. Sau khi án xử sơ thẩm, ông Phan Như T và bà Trần Thị C kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Phan Như T và bà Trần Thị C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Như T và bà Trần Thị C phải chịu án dân sự phúc thẩm nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án thì ông Phan Như T và bà Trần Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Phan Như T và bà Trần Thị C; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 10, Điều 32 và Điều 105 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như T và bà Trần Thị C về việc buộc bị đơn bà Phan Thị P trả lại diện tích đất tranh chấp 189 m², tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, tại thôn A (nay thôn B), xã T,

huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như T và bà Trần Thị C về việc buộc bị đơn bà Phan Thị P trả lại diện tích đất tranh chấp là 4.111,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

3. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Phan Thị P, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ110495 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Phan Như T và bà Trần Thị C ngày 31/8/2009 đối với diện tích đất 4.111,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 02, tại thôn A (nay thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam và công nhận diện tích đất 4.111,1m² (gồm phần diện tích 2.052,6m² và 2.058,5m²) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Phan Thị P. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm).

4. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án:

Miễn án phí phúc thẩm cho ông Phan Như T và bà Trần Thị C.

5. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến